



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 37

Ngày 30 tháng 05 năm 2026

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

UBND TỈNH

18/05/2026	Quyết định của UBND tỉnh số 22/2026/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La.	3
------------	---	---

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

UBND TỈNH

18/05/2026	Quyết định của UBND tỉnh số 1179/QĐ-UBND về việc tổ chức lại; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	24
20/05/2026	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 1198/QĐ-UBND phê duyệt kết quả đánh giá “Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương tỉnh Sơn La (DDCI Sơn La) năm 2025: Đáp ứng giới và phát triển bao trùm”.	30
22/05/2026	Quyết định của UBND tỉnh số 1209/QĐ-UBND công bố danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư cấp xã trên địa bàn tỉnh Sơn La.	32
22/05/2026	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 1211/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg ngày 03/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người sau cai nghiện ma túy.	37

27/05/2026	Quyết định của UBND tỉnh số 1254/QĐ-UBND ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực hoạt động kinh tế nông nghiệp và môi trường sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La.	44
28/05/2026	Quyết định của UBND tỉnh số 1262/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch hành động ứng phó khẩn cấp với bệnh Lở mồm long móng (LMLM) serotype SAT1 trên địa bàn tỉnh Sơn La	51

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2026/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 18 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước
đối với các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Sửa đổi số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15, Luật số 95/2025/QH15 và Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm Xã hội số 41/2024/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 71/2025/QH15, Luật số 144/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 35/2023/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 239/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 19/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Luật Đầu tư về thủ tục đầu tư đặc biệt;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 34/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 96/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh;

UBND tỉnh ban hành Quyết định ban hành quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, Quyết định số 1171/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2018 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy chế phối hợp làm việc giữa Ban Quản lý các khu công nghiệp với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và các cơ quan liên quan khác để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông hết hiệu lực.

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phối hợp trong công tác quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La

(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2026/QĐ-UBND ngày 18/5/2026 của UBND tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, hình thức, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND các xã, phường và các cơ quan có liên quan khác trong công tác quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La *(sau đây viết tắt là Ban Quản lý)*.
2. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Sơn La và các cơ quan, đơn vị liên quan khác *(sau đây viết tắt là các sở, ban, ngành)*.
3. UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh Sơn La *(sau đây viết tắt là UBND cấp xã)* nơi có khu công nghiệp *(sau đây viết tắt là KCN)*.
4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Hoạt động phối hợp được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định của pháp luật và Quy chế này.
2. Ban Quản lý là cơ quan đầu mối quản lý nhà nước trực tiếp trong các KCN trên địa bàn tỉnh. Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã liên quan khi triển khai các nhiệm vụ chuyên môn tại các KCN có trách nhiệm phối hợp và lấy ý kiến tham gia của Ban Quản lý, đảm bảo cho hoạt động quản lý nhà nước đối với KCN thống nhất, tránh chồng chéo và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động theo quy định của pháp luật.
3. Phân công trách nhiệm rõ cho từng cơ quan, đơn vị; đề cao trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp trong mỗi nội dung phối hợp.
4. Không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhà đầu tư trong KCN.

Điều 4. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến, cung cấp thông tin, tài liệu, báo cáo có liên quan đến công tác quản lý nhà nước đối với các KCN.
2. Tổ chức họp, sơ kết, tổng kết công tác phối hợp.
3. Tham gia đoàn thanh tra, kiểm tra.
4. Các hình thức phối hợp hợp pháp khác (*gửi văn bản qua phần mềm quản lý văn bản hoặc trực tiếp, thư điện tử, ...*).

Chương II

NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI KHU CÔNG NGHIỆP

Điều 5. Xây dựng và phát triển KCN

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý

a) Chủ trì xây dựng danh mục các dự án đầu tư và kế hoạch vốn đầu tư phát triển hàng năm và 05 năm trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

b) Chỉ đạo đơn vị trực thuộc xây dựng các khung giá thực hiện trong KCN theo quy định pháp luật.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính

a) Phối hợp với Ban Quản lý xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm đối với các dự án đầu tư trong KCN theo quy định của Luật Đầu tư công.

b) Phối hợp với Ban Quản lý xây dựng phương án huy động các nguồn vốn khác, kế hoạch hỗ trợ từ ngân sách tỉnh đối với các dự án đầu tư để phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội quan trọng trong KCN.

3. Trách nhiệm của các sở chuyên ngành: Thẩm định, tham mưu cấp thẩm quyền ban hành các khung giá thực hiện trong KCN theo quy định pháp luật.

Điều 6. Quản lý quy hoạch

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý

a) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn về quản lý quy hoạch được giao theo quy định về quản lý quy hoạch KCN; các văn bản hướng dẫn, phân cấp, ủy quyền.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan lập nhiệm vụ và đề án quy hoạch KCN, nhiệm vụ và đề án quy hoạch điều chỉnh tổng thể các quy hoạch này, trình UBND tỉnh phê duyệt.

c) Chủ trì, phối hợp với UBND xã, phường trong vùng quy hoạch và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức công bố quy hoạch và quản lý mốc giới theo quy định; cung cấp thông tin quy hoạch, giới thiệu địa điểm xây dựng cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đối với các đề án quy hoạch do cơ quan mình quản lý.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh quy hoạch KCN.

đ) Giới thiệu địa điểm đầu tư xây dựng các dự án liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh cho nhà đầu tư trong KCN.

e) Quản lý, phổ biến hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch KCN đã được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

Phối hợp với Ban Quản lý thực hiện công tác lập, rà soát, bổ sung, điều chỉnh, công bố quy hoạch KCN; thực hiện quản lý quy hoạch KCN theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn và theo chức năng, thẩm quyền được giao.

3. Trách nhiệm của UBND cấp xã

a) Tham gia ý kiến về quy hoạch KCN.

b) Phối hợp với Ban Quản lý và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức công bố quy hoạch KCN và quản lý mốc giới theo quy định.

c) Tuyên truyền, quản lý mốc giới xây dựng ra ngoài thực địa để người dân hiểu được chủ trương phát triển KCN của tỉnh.

4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

Tham gia ý kiến đối với các Đồ án quy hoạch do Ban Quản lý lập; phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý trong công tác lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch KCN trên địa bàn tỉnh; thỏa thuận, chấp thuận đầu nối các công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc thẩm quyền quản lý; cung cấp các thông tin cần thiết, liên quan để phục vụ các công tác quy hoạch KCN.

Điều 7. Quản lý xây dựng

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý

a) Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (*phần nhiệm vụ thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng*) và kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình xây dựng trong KCN theo thẩm quyền, phân cấp.

b) Thực hiện cấp giấy phép xây dựng cho các dự án trong KCN theo phân cấp.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc duy tu, bảo dưỡng hệ thống công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng được đầu tư từ ngân sách nhà nước trong KCN.

d) Chủ trì, phối hợp với các Sở: Xây dựng; Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng và an toàn trong thi công xây dựng của các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng; chất lượng các công trình xây dựng và an toàn trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn được giao quản lý.

đ) Phối hợp với UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về xây dựng trong KCN.

e) Kiểm tra, thỏa thuận về quy hoạch đối với các dự án đầu tư xây dựng, hoạt động cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các công trình hạ tầng kỹ thuật trong KCN.

f) Chỉ đạo đơn vị trực thuộc chấp thuận đầu nối các công trình hạ tầng kỹ thuật được phân cấp quản lý bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật, quy định phù hợp với nhu cầu sử dụng của từng công trình, đáp ứng yêu cầu đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật trong KCN.

g) Phối hợp với UBND cấp xã quản lý về trật tự xây dựng trong KCN. Cung cấp thông tin kịp thời cho UBND xã và các cơ quan, đơn vị liên quan các trường hợp vi phạm về lĩnh vực xây dựng trong KCN.

2. Trách nhiệm của Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường: phối hợp với Ban Quản lý thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, cấp giấy phép xây dựng và kiểm tra công tác nghiệm thu xây dựng công trình thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Ban Quản lý.

3. Trách nhiệm của Sở Xây dựng (ngoài khoản 2 Điều này) Phối hợp, hướng dẫn Ban quản lý triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về xây dựng theo chức năng, thẩm quyền được giao.

4. Trách nhiệm của Công an tỉnh

a) Tham gia ý kiến thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với dự án, công trình được đầu tư, xây dựng trong KCN.

b) Định kỳ tổ chức tập huấn, diễn tập các phương án phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Tổ chức kiểm tra, hướng dẫn về công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định đối với các doanh nghiệp trong KCN. Tổ chức lực lượng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi có các sự cố cháy, nổ xảy ra.

c) Chủ trì thẩm duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy đối với dự án, công trình được đầu tư, xây dựng trong KCN.

5. Trách nhiệm của UBND cấp xã

a) Quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định. Thường xuyên kiểm tra, xử lý kịp thời việc các tổ chức, cá nhân xây dựng mới, nâng cấp sửa chữa, coi nói trái quy định, không phù hợp với quy hoạch KCN và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định.

Điều 8. Quản lý đất đai

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan đăng ký, bổ sung danh mục các công trình, dự án có sử dụng đất trong KCN phục vụ công tác lập quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất các cấp.

b) Đôn đốc, hướng dẫn doanh nghiệp đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN hằng năm báo cáo và công khai diện tích đất đã cho thuê lại, chưa cho thuê lại trong KCN.

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn nhà đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN, nhà đầu tư thứ cấp trong KCN thực hiện các thủ tục giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xác định mốc giới, giao đất tại thực địa theo quy định của pháp luật về đất đai.

d) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, chính quyền địa phương kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật về đất đai đối với các KCN, các cơ sở sản xuất kinh doanh trong các KCN.

đ) Tiếp nhận đăng ký khung giá và các loại phí sử dụng hạ tầng của nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN. Công bố công khai giá cho thuê, cho thuê lại đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các loại phí sử dụng hạ tầng KCN.

2. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý và UBND cấp xã tham mưu UBND tỉnh thực hiện công tác quản lý, sử dụng đất trong KCN đảm bảo thông suốt, đồng bộ và đúng quy định pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý tham mưu, đề xuất UBND tỉnh xử lý các trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích, chậm đưa đất vào sử dụng hoặc không đưa đất vào sử dụng theo quy định pháp luật về đất đai (kể từ thời điểm giao đất, cho thuê đất).

c) Tổ chức thẩm định hồ sơ xin giao đất, xin thuê đất, xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người sử dụng đất đã được giao đất, cho thuê đất theo quy định, chuyển thông tin địa chính sang cơ quan tài chính, cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính đối với các tổ chức được giao đất, cho thuê đất trong KCN đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất của UBND tỉnh.

d) Xác định giá đất cụ thể để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong KCN (nếu cần thiết) theo quy định.

đ) Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

3. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Phối hợp với các sở, ngành có liên quan thẩm định phương án giá đất cụ thể và giá dịch vụ hạ tầng trong KCN theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Trách nhiệm của Thuế tỉnh

a) Căn cứ quy định tại các Nghị định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và Phiếu chuyển thông tin do cơ quan có chức năng quản lý đất đai và các cơ quan khác chuyển đến để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thuê đất có mặt nước, tiền thuê đất để xây dựng công trình ngầm, công trình ngầm nằm ngoài phần không gian sử dụng đất theo quy định, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được giảm và thông báo cho người sử dụng đất theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

b) Tổ chức thực hiện, hướng dẫn, giải đáp vướng mắc, giải quyết khiếu nại về tính, thu, nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo đúng quy định của pháp luật về quản lý thuế và pháp luật khác có liên quan.

c) Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê quy định.

d) Rà soát các trường hợp đã ghi nợ nhưng đến nay chưa hoàn thành việc trả nợ để thông báo đến các trường hợp còn nợ tiền sử dụng đất về việc ghi nợ, thanh toán nợ và xóa nợ tiền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.”

đ) Định kỳ ngày 30 tháng 6 và ngày 31 tháng 12 hàng năm, gửi Danh sách tổng hợp tình hình quản lý thu nộp, nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của các doanh nghiệp thuê đất trong KCN cho Ban Quản lý được biết để phối hợp trong công tác theo dõi, quản lý.

5. Trách nhiệm của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

Phối hợp với Ban Quản lý, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng thuộc phạm vi quản lý nằm trong KCN.

6. Trách nhiệm của Công an tỉnh

Phối hợp với Ban Quản lý, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quản lý, sử dụng đất an ninh thuộc phạm vi quản lý nằm trong KCN.

7. Trách nhiệm của UBND cấp xã

a) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan đăng ký, bổ sung danh mục các công trình, dự án có sử dụng đất trong KCN phục vụ công tác lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý xử lý các trường hợp lấn chiếm, xây dựng trái phép trong phạm vi đất giao cho Ban Quản lý trong KCN.

c) Tổ chức thẩm định hồ sơ xin giao đất, xin thuê đất, xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người sử dụng đất đã được giao đất, cho thuê đất theo quy định; chuyển thông tin địa chính sang cơ quan tài chính, cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính đối với các tổ chức được giao đất, cho thuê đất trong KCN đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất của UBND cấp xã *(theo phân cấp, ủy quyền của UBND cấp tỉnh, quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP)*.

8. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Chủ trì công tác quản lý đất đai đối với phạm vi, địa bàn được cấp có thẩm quyền giao thực hiện trong KCN.

b) Phối hợp với Ban Quản lý, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan quản lý, sử dụng đất trong KCN theo quy định.

Điều 9. Quản lý môi trường

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý

a) Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh, UBND cấp xã thực hiện tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường cho chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN và các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ trong KCN.

b) Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường và thực hiện công tác bảo vệ môi trường khác của các KCN và các dự án đầu tư trong KCN theo quy định của pháp luật.

c) Tiếp nhận kiến nghị và chủ trì giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường giữa các doanh nghiệp sản xuất trong KCN.

d) Tổ chức kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KCN; phát hiện kịp thời vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân và kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

đ) Phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm đối với các doanh nghiệp trong KCN trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

e) Chủ trì ứng phó, khắc phục khi xảy ra sự cố môi trường trong KCN được giao làm chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng hạ tầng.

g) Kiểm tra, giám sát việc đầu tư xây dựng hạ tầng bảo vệ môi trường của KCN theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Phối hợp với Ban Quản lý trong việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường cho chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN và các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ trong KCN.

b) Chủ trì thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong KCN theo quy định của pháp luật.

c) Rà soát lập kế hoạch kiểm tra về bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm đối với các doanh nghiệp trong KCN trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

d) Hướng dẫn xây dựng, ban hành kế hoạch ứng phó sự cố môi trường; hướng dẫn thực hiện hoạt động chuẩn bị, tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong KCN.

đ) Phối hợp kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đối với dự án đầu tư trong KCN.

3. Trách nhiệm của Công an tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý trong công tác nắm tình hình, trao đổi, tiếp nhận thông tin về tội phạm, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Tổ chức lực lượng phòng ngừa và đấu tranh đối với các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường; phối hợp với Ban Quản lý kiểm tra, phát hiện, xử lý các vi phạm trong việc chấp hành pháp luật về môi trường và huy động lực lượng ứng phó, khắc phục sự cố môi trường.

c) Phối hợp với Ban Quản lý, Sở Nông nghiệp và Môi trường cử đại diện tham gia đoàn thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường khi được đề nghị.

d) Tiếp nhận hồ sơ do Ban Quản lý hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường chuyển đến để điều tra, xử lý vi phạm.

4. Trách nhiệm của UBND cấp xã

a) Phối hợp với Ban Quản lý trong việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường cho chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN và các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ trong KCN.

b) Chủ trì tiếp nhận đăng ký môi trường đối với các dự án đầu tư trong KCN theo quy định của pháp luật.

c) Phối hợp trong việc ứng phó sự cố môi trường, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường giữa các doanh nghiệp sản xuất trong KCN; phối

hợp thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường trong KCN.

5. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong KCN theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quản lý về khoa học công nghệ

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý

Hướng dẫn, đơn đốc các chủ đầu tư lập, gửi hồ sơ dự án đầu tư đến Sở Khoa học và Công nghệ để thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với các dự án đầu tư vào KCN thuộc diện thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ theo quy định.

2. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

Thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

3. Trách nhiệm của Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương và các cơ quan, đơn vị có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về khoa học công nghệ.

Điều 11. Quản lý đầu tư

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý

a) Tiếp nhận, hướng dẫn, thẩm định và giải quyết hồ sơ đăng ký đầu tư, hồ sơ điều chỉnh dự án đầu tư trong KCN theo quy định của pháp luật về đầu tư; thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan đăng ký đầu tư đối với các dự án đầu tư trong KCN thuộc thẩm quyền.

b) Cung cấp và công khai minh bạch thông tin đối với các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong KCN; đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ban Quản lý.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện công tác quản lý đầu tư, theo dõi việc thực hiện các cam kết ưu đãi, hỗ trợ đầu tư; kịp thời phát hiện và xử lý vi phạm hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

d) Chủ trì, phối hợp kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện mục tiêu đầu tư quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, tiến độ góp vốn và triển khai dự án đầu tư; việc thực hiện các điều khoản cam kết đối với các dự án được hưởng ưu đãi đầu tư và việc chấp hành các quy định pháp luật của các dự án tại KCN.

đ) Tổ chức cơ chế đối thoại định kỳ (ít nhất 02 lần/năm) giữa Ban Quản lý với các nhà đầu tư trong KCN nhằm nắm bắt khó khăn, vướng mắc và kịp thời giải quyết.

e) Trao đổi thông tin và có văn bản phản hồi về việc đăng ký thành lập doanh nghiệp trong KCN theo đề nghị của Sở Tài chính; phối hợp nắm bắt tình hình hoạt động của doanh nghiệp trong KCN.

g) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và cải cách thủ tục hành chính trong tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký đầu tư; thực hiện cơ chế “một cửa, một cửa liên thông”.

2. Trách nhiệm của Công an tỉnh

a) Phối hợp với Ban Quản lý tham gia ý kiến về các nội dung liên quan đến bảo đảm quốc phòng, an ninh, an ninh trật tự đối với dự án đầu tư, nhà đầu tư khi có đề nghị của Ban Quản lý theo quy định của pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan điều tra, xác minh các trường hợp xét thấy có hoạt động nghi vấn liên quan đến quá trình hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, môi giới đầu tư và các hoạt động khác ảnh hưởng đến môi trường đầu tư trong KCN.

3. Trách nhiệm của các Sở chuyên ngành, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Tham gia ý kiến thẩm định bằng văn bản đối với hồ sơ dự án đầu tư trong KCN thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ quản lý của đơn vị đúng thời hạn quy định hoặc theo đề nghị của Ban Quản lý.

b) Phối hợp với Ban Quản lý giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư; tham gia kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện mục tiêu đầu tư và xử lý vi phạm trong phạm vi thẩm quyền.

Điều 12. Xúc tiến đầu tư

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý

a) Ban Quản lý có trách nhiệm xây dựng chương trình, kế hoạch xúc tiến đầu tư phát triển KCN gửi Sở Tài chính tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện.

b) Xây dựng và quảng bá hình ảnh địa phương/doanh nghiệp; đăng tải, xây dựng các ấn phẩm, video, website xúc tiến đầu tư; giới thiệu tiềm năng, lợi thế, định hướng phát triển các KCN.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý các KCN và đơn vị liên quan trong việc xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư hàng năm; hướng dẫn chế độ thông tin, báo cáo về tình hình xúc tiến đầu tư theo quy định.

3. Trách nhiệm của UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan

Phối hợp cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến lĩnh vực quản lý phục vụ công tác xúc tiến, mời gọi đầu tư, phục vụ lập danh mục dự án đầu tư, thực hiện đầu tư của các nhà đầu tư theo đề nghị của Ban Quản lý.

Điều 13. Quản lý doanh nghiệp và thương mại

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý

a) Thực hiện công tác quản lý doanh nghiệp tại địa bàn KCN; xây dựng hệ thống thông tin doanh nghiệp, cung cấp thông tin và báo cáo định kỳ (theo quy định chế độ báo cáo của UBND tỉnh) tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn KCN cho Bộ Tài chính, UBND tỉnh theo quy định.

b) Thông báo cho cơ quan Hải quan biết các dự án đầu tư đã được cấp mới, cấp lại, điều chỉnh hoặc các dự án không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; chấm dứt hoạt động dự án đầu tư để cơ quan Hải quan chủ động triển khai biện pháp quản lý hoạt động theo quy định. Trao đổi, cung cấp thông tin về việc chấp hành các quy định pháp luật của các doanh nghiệp trong các KCN.

d) Phối hợp với cơ quan Hải quan để giải quyết vướng mắc của các tổ chức, cá nhân liên quan đến chính sách quản lý các KCN, chính sách ưu đãi thuế nhập khẩu của các dự án đầu tư.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Phối hợp cung cấp danh sách, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp trong KCN cho Ban Quản lý; phối hợp kiểm tra về lĩnh vực đầu tư của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong KCN.

3. Trách nhiệm của Sở Công Thương

a) Phối hợp với Ban Quản lý và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện quy hoạch phát triển các KCN trên địa bàn tỉnh; đề xuất, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực theo quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

b) Phối hợp với Ban Quản lý và các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, quản lý hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa; ứng dụng thương mại điện tử trong sản xuất kinh doanh; chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước khác được giao thuộc lĩnh vực công nghiệp và thương mại tại địa bàn KCN.

c) Tổ chức thực hiện có hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển điện lực, phối hợp với Ban quản lý và Công ty Điện lực Sơn La trong việc đảm bảo hệ thống cung cấp điện cho nhu cầu phát triển các KCN.

d) Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn ngành công thương, định mức kinh tế - kỹ thuật, quy phạm kỹ thuật về an toàn công nghiệp, an toàn điện; sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và cấp các loại giấy phép, giấy chứng nhận theo quy định.

4. Trách nhiệm của Thuế tỉnh

a) Tổ chức thực hiện quản lý thu thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế và quy định khác của pháp luật có liên quan; tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn pháp luật về thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế.

b) Thông tin về tình hình đăng ký, kê khai và nộp thuế của doanh nghiệp tại các KCN; thông báo các doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật về thuế: bỏ địa điểm sản xuất kinh doanh, không kê khai, nộp thuế theo quy định.

5. Trách nhiệm của Cục Hải quan khu vực X

a) Phối hợp cung cấp cho Ban Quản lý thông tin, tài liệu phục vụ công tác quản lý xuất khẩu, nhập khẩu; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo quy định của pháp luật (khi có yêu cầu).

b) Hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân về chính sách quản lý hải quan, chính sách thuế xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật. Kịp thời giải quyết theo thẩm quyền hoặc thông báo cho Ban Quản lý biết để phối hợp giải quyết các vấn đề vướng mắc phát sinh trong quá trình giải quyết thủ tục hải quan của các doanh nghiệp trong các KCN.

6. Trách nhiệm của UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan
Phối hợp với Ban Quản lý khi triển khai các nhiệm vụ chuyên môn trong KCN để đảm

bảo thống nhất, tránh chồng chéo và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động.

Điều 14. Quản lý lao động

1. Công tác giải quyết tranh chấp lao động, đình công

a) Trách nhiệm của Ban Quản lý

Thông báo cho UBND cấp xã, Sở Nội vụ, Liên đoàn Lao động tỉnh về việc phát sinh tranh chấp lao động, đình công xảy ra tại doanh nghiệp trong KCN.

Phối hợp với UBND cấp xã, Sở Nội vụ, Liên đoàn Lao động tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, hỗ trợ các bên giải quyết các tranh chấp lao động, giải quyết các cuộc đình công xảy ra tại doanh nghiệp trong KCN theo quy định.

b) Trách nhiệm của Sở Nội vụ

Là đầu mối tiếp nhận yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động (khi có yêu cầu), phân loại, hướng dẫn, hỗ trợ, giúp đỡ các bên giải quyết các tranh chấp lao động.

Chủ trì hướng dẫn và phối hợp với UBND cấp xã, Ban Quản lý, Liên đoàn Lao động tỉnh, Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời chỉ đạo, tổ chức xử lý, giải quyết các tranh chấp lao động, đình công xảy ra tại doanh nghiệp trong KCN theo quy định.

Phối hợp UBND cấp xã, Ban Quản lý, Liên đoàn Lao động tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, trả lời chế độ, chính sách pháp luật về lao động cho các bên tham gia tranh chấp lao động tập thể.

c) Trách nhiệm của UBND cấp xã

Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Ban Quản lý, Liên đoàn Lao động tỉnh, Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, hỗ trợ các bên giải quyết đôi với cuộc đình công không tuân thủ theo quy định xảy ra tại doanh nghiệp trong KCN. Trường hợp phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật thì lập biên bản, tiến hành xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý cá nhân, tổ chức đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

d) Trách nhiệm của Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý và các cơ quan liên quan xây dựng quy chế phối hợp, phương án, kế hoạch phòng ngừa, giải quyết các vụ việc đình công, ngừng việc tập thể, tập trung đông người gây rối làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại KCN.

Chỉ đạo các phòng nghiệp vụ, Công an cấp xã tại nơi có KCN kịp thời trao đổi thông tin với Ban Quản lý, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan về tình hình, dấu hiệu phát sinh tranh chấp lao động, đình công xảy ra tại doanh nghiệp trong KCN để kịp thời chỉ đạo, giải quyết, xử lý.

đ) Trách nhiệm của Liên đoàn lao động tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý, UBND cấp xã trong công tác phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở trong KCN.

Phối hợp với Ban Quản lý, Sở Nội vụ, Công an tỉnh, UBND cấp xã, và các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn, xử lý, giải quyết các tranh chấp lao động, đình công xảy ra tại doanh nghiệp trong KCN theo quy định.

Chỉ đạo công đoàn cơ sở tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn đoàn viên, người lao động thực hiện đúng các quy định của pháp luật lao động và pháp luật có liên quan trong quá trình giải quyết tranh chấp lao động.

2. Công tác cung ứng lao động cho doanh nghiệp trong KCN

a) Trách nhiệm của Ban Quản lý

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thống kê, tổng hợp, đánh giá nhu cầu tuyển dụng, sử dụng lao động làm việc trong KCN.

Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan hỗ trợ tuyển dụng, cung ứng lao động cho doanh nghiệp trong KCN.

b) Trách nhiệm của Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý, UBND cấp xã giới thiệu việc làm, tổ chức các hoạt động hỗ trợ tuyển dụng, cung ứng lao động cho các doanh nghiệp trong KCN khi có nhu cầu.

c) Trách nhiệm của UBND cấp xã

Phối hợp với Sở Nội vụ, Ban Quản lý, cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức các hoạt động hỗ trợ tuyển dụng, cung ứng lao động cho các doanh nghiệp trong KCN khi có nhu cầu.

3. Công tác quản lý lao động người nước ngoài làm việc tại các KCN

a) Trách nhiệm của Ban Quản lý

Phối hợp với Sở Nội vụ, Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các quy định của pháp luật liên quan đến người lao động nước ngoài; chỉ đạo, đôn đốc các doanh nghiệp KCN, người lao động là người nước ngoài chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật liên quan đến người lao động nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp trong KCN.

Phối hợp với Sở Nội vụ, Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật liên quan đến lao động là người nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp trong KCN.

Tham gia, phối hợp với Công an tỉnh, Sở Nội vụ trong xử lý vi phạm và giải quyết các nội dung có liên quan đến người nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp trong KCN theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

b) Trách nhiệm của Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Ban Quản lý và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, pháp luật về quản lý lao động nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp trong KCN; kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật, phát hiện, giải quyết các vi phạm về quản lý lao động nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp trong KCN.

Phối hợp cung cấp, trao đổi thông tin với Ban Quản lý, Công an tỉnh và các cơ quan liên quan về số liệu thống kê liên quan đến người lao động nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp trong các KCN theo quy định.

c) Trách nhiệm của Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý, Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú, hoạt động của người nước ngoài trên địa bàn các KCN.

Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý, Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, xử lý đối với doanh nghiệp, người lao động vi phạm quy định của pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú, hoạt động của người nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp trong KCN. Phối hợp với Sở Nội vụ, Ban Quản lý kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý lao động nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp KCN.

Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý, Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan giải quyết các vụ việc phát sinh liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú, hoạt động của người nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp trong KCN.

Thông báo, trao đổi, cung cấp thông tin về tình hình nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú, hoạt động của người nước ngoài; kết quả kiểm tra, xử lý vi phạm; những vấn đề, vụ việc phát sinh liên quan đến người lao động nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp trong KCN với Ban Quản lý, Sở Nội vụ để phối hợp theo dõi, quản lý.

Định kỳ hàng quý (trước ngày 05 của tháng đầu quý sau), cung cấp, trao đổi thông tin với Sở Nội vụ, Ban Quản lý và các cơ quan liên quan số liệu thống kê liên quan việc cấp, gia hạn thị thực, đăng ký tạm trú... của người lao động nước ngoài làm việc tại KCN, tình hình an ninh trật tự tại các KCN... để phối hợp quản lý.

4. Công tác an toàn, vệ sinh lao động

a) Trách nhiệm của Ban Quản lý

Tuyên truyền, phổ biến, chỉ đạo, đôn đốc các doanh nghiệp KCN thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

Phối hợp tổ chức kiểm tra việc thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động, tai nạn lao động đối với các doanh nghiệp KCN khi được yêu cầu.

Khi nhận được thông tin xảy ra tai nạn lao động chết người, tai nạn lao động nặng, sự cố nghiêm trọng tại KCN, thông báo ngay cho Sở Nội vụ biết, giải quyết.

b) Trách nhiệm của Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý, Liên đoàn Lao động tỉnh và các đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động cho người sử dụng lao động và người lao động tại các KCN; hướng dẫn việc huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động; khai báo, kiểm định máy móc, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật; kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động tại các doanh nghiệp trong KCN.

Phối hợp với Ban Quản lý, Công an tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức điều tra các vụ tai nạn lao động chết người, tai nạn lao động nặng làm bị thương từ 02 người trở lên và sự cố nghiêm trọng xảy ra tại các KCN theo quy định của pháp luật.

c) Trách nhiệm của Công an tỉnh

Thông báo thông tin xảy ra tai nạn lao động chết người, tai nạn lao động nặng, sự cố nghiêm trọng tại KCN cho Sở Nội vụ, Ban Quản lý. Phối hợp với Sở Nội vụ, Ban Quản lý và các cơ quan có liên quan trong việc điều tra, xử lý, giải quyết các vụ tai nạn lao động, sự cố nghiêm trọng xảy ra tại các KCN theo quy định của pháp luật.

Thông báo, cung cấp, trao đổi thông tin với Ban Quản lý, Sở Nội vụ, cơ quan có liên quan về tình hình tai nạn lao động có dấu hiệu tội phạm đã khởi tố, không khởi tố, đình chỉ điều tra và đề nghị truy tố để phối hợp quản lý.

5. Công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

a) Trách nhiệm của Ban Quản lý

Phối hợp với Sở Y tế, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn quy định của pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm cho doanh nghiệp, người lao động.

Phối hợp rà soát, kiểm tra công tác đảm bảo an toàn thực phẩm tại các bếp ăn tập thể, kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm theo quy định (nếu có); tham gia, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác điều tra nguyên nhân và xử lý khi có ngộ độc thực phẩm xảy ra.

b) Trách nhiệm của Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý, Liên đoàn Lao động tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất về chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm tại các cơ sở, nhà máy sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm; kiểm tra công tác an toàn thực phẩm tại bếp ăn tập thể, ăn ca thuộc các KCN và xử lý các hành vi vi phạm theo quy định (nếu có); thực hiện công tác phòng, chống ngộ độc thực phẩm, bệnh truyền qua thực phẩm và điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm (nếu có).

c) Trách nhiệm của Công an tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công thương, các Sở ngành liên quan và UBND cấp xã.

Phối hợp với Sở Y tế, Ban Quản lý và các cơ quan, đơn vị liên quan trong thực hiện công tác quản lý về vệ sinh an toàn thực phẩm theo ngành, lĩnh vực, địa bàn thuộc thẩm quyền quy định của pháp luật.

Điều 15. Quản lý an ninh trật tự, quốc phòng an ninh

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý

a) Phối hợp với lực lượng quân sự, công an, chính quyền địa phương triển khai công tác đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, phòng chống cháy nổ; đảm bảo trật tự an toàn giao thông, đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

b) Phối hợp tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự, nhất là an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh xã hội, quản lý lao động của các doanh nghiệp, nhà thầu, quản lý người nước ngoài, quản lý nhà nước về trật tự xã hội.

c) Phối hợp cung cấp thông tin, tài liệu cho Công an tỉnh tình hình liên quan đến xây dựng, phát triển KCN; tình hình về hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của các doanh nghiệp, đặc biệt chú ý các đơn vị có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Cung cấp hồ sơ pháp lý, tài liệu liên quan đến các dự án đầu tư đang phát sinh vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, phục vụ công tác đảm bảo an ninh, trật tự trong quá trình cưỡng chế, thi công công trình.

2. Trách nhiệm của Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và lực lượng chức năng có liên quan thực hiện công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền, phối hợp kiểm tra cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp về công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo đảm an ninh kinh tế, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ; phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp xây dựng và củng cố lực lượng bảo vệ chuyên trách; thường xuyên phát động, xây dựng phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong KCN; tổ chức hướng dẫn, huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ về phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ; xây dựng phương án xử lý tình huống cháy, nổ lớn và tổ chức thực tập phương án chữa cháy lớn huy động nhiều lực lượng tham gia trong KCN.

3. Trách nhiệm của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan có liên quan trong thực hiện chức năng tham mưu quản lý nhà nước về kết hợp quốc phòng với phát triển kinh tế, xã hội trong KCN theo đúng các quy định của pháp luật. Tham mưu, chỉ đạo xây dựng lực lượng tự vệ trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, nhà máy trong KCN.

4. Trách nhiệm của UBND cấp xã, các cơ quan, đơn vị có liên quan

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn phối hợp với Công an tỉnh, Ban Quản lý trong việc đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội.

Điều 16. Công tác thanh tra, kiểm tra

1. Công tác thanh tra, kiểm tra các lĩnh vực về quy hoạch, đầu tư, xây dựng, đất đai, tài nguyên, khoáng sản, môi trường, doanh nghiệp, lao động, tiêu chuẩn, đo lường chất lượng và các lĩnh vực khác đối với các dự án, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện theo các quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

2. Trách nhiệm của Ban Quản lý

a) Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm hành chính trong KCN tại các lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước trực tiếp.

b) Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Thực hiện kiểm tra theo quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân; thông báo đến Ban Quản lý kết quả thanh tra, kiểm tra sau khi kết thúc đề phối hợp quản lý, thực hiện.

b) Xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Một số lĩnh vực khác

1. Tổ chức triển khai các phong trào thi đua do tỉnh phát động đến các doanh nghiệp trong KCN.

2. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về lĩnh vực y tế đối với các doanh nghiệp trong KCN.

3. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, chỉ đạo đề nghị các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông đầu tư hạ tầng mạng lưới dịch vụ về bưu chính, viễn thông đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc trong KCN; phối hợp thực hiện các nhiệm vụ về chuyên đổi số, an toàn thông tin trong quản lý hệ thống dữ liệu trong KCN.

4. Sở Tư pháp phối hợp với Ban Quản lý thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật, công tác hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp; phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan tăng cường công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung thay thế các quy định không phù hợp, gây cản trở trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

5. Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh phối hợp tuyên truyền về tiềm năng, vị thế, các chính sách phát triển, thu hút đầu tư trong KCN.

6. Bảo hiểm xã hội tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý trong phổ biến, triển khai thực hiện các chính sách về BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN (*cung cấp tài liệu, bố trí báo cáo viên*) cho các doanh nghiệp; giải quyết những vướng mắc của doanh nghiệp trong quá trình thực hiện. Định kỳ hằng quý (tháng đầu quý) thông

báo cho Ban Quản lý kế hoạch và kết quả kiểm tra doanh nghiệp; thông báo cho Sở Nội vụ, Ban Quản lý, Liên đoàn Lao động tỉnh tình hình thu nộp và danh sách các doanh nghiệp trong KCN nợ tiền và vi phạm pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN (nếu có) để phối hợp theo dõi, đôn đốc, quản lý, xử lý theo quy định.

7. Liên đoàn Lao động tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý, các sở ngành liên quan và UBND cấp xã, tham mưu cho UBND tỉnh bố trí quỹ đất và các nguồn vốn do địa phương quản lý để đầu tư xây dựng các thiết chế công đoàn, tạo điều kiện về quỹ đất và các điều kiện hạ tầng kỹ thuật để Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đầu tư xây dựng các thiết chế công đoàn cho công nhân tại các KCN theo quy định tại Quyết định số 655/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2017 phê duyệt Đề án “Đầu tư xây dựng các thiết chế của công đoàn tại các KCN, khu chế xuất”.

8. Các cơ quan chuyên môn phối hợp với Ban Quản lý tham mưu UBND tỉnh phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trình Thủ tướng Chính phủ các nội dung vượt thẩm quyền của UBND tỉnh.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Ban Quản lý các khu công nghiệp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan, chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Ban Quản lý các khu công nghiệp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1179/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 13 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc tổ chức lại; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn,
cơ cấu tổ chức Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các
công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 283/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 08/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Sơn La ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 416/TTr-SNV ngày 14 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ chức lại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên cơ sở bổ sung chức năng, nhiệm vụ "bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng các dự án" và điều chỉnh cơ cấu tổ chức theo chức năng, nhiệm vụ được bổ sung, như sau:

1. Tên gọi: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (PTNT) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, hoạt động theo cơ chế tự chủ về tài chính, theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ

tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, có tư cách pháp nhân, có con dấu và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng để giao dịch theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, như sau:

1. Vị trí, chức năng

a) Vị trí, chức năng của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT có vị trí pháp lý theo quy định tại Điều 1 Quyết định này; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức và hoạt động của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; đồng thời chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành;

- Chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng và các chương trình, dự án khác do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao;

- Thực hiện chức năng tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát theo quy định của Luật Xây dựng và các Nghị định hiện hành;

- Tư vấn quản lý, giám sát các dự án của các chủ đầu tư khác theo hợp đồng được ký kết khi có đủ năng lực theo quy định của Pháp luật;

- Thực hiện chức năng của đơn vị làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ tái định cư các dự án theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện một số chức năng khác do UBND tỉnh giao.

b) Vị trí, chức năng của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng trực thuộc

Các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng trực thuộc là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT; hoạt động theo cơ chế tự chủ về tài chính, theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng để giao dịch theo quy định của pháp luật. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng trực thuộc chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT; chịu sự hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của các cơ quan quản lý Nhà nước.

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng trực thuộc có chức năng tiếp tục tổ chức quản lý thực hiện toàn bộ các dự án đầu tư xây dựng trước đây đang làm chủ đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư của UBND các huyện, thị xã, thành phố khi được UBND tỉnh chuyển giao cho đến khi kết thúc, bàn giao đưa vào sử dụng; Chủ đầu tư các dự án được UBND tỉnh giao, đại diện chủ đầu tư các dự án cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT giao, tư vấn các dịch vụ (*quản lý dự án, giám sát, giải phóng mặt bằng*) cho các Chủ đầu tư khác.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn

a) Nhiệm vụ, quyền hạn Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh

- Xây dựng, trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền: Lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án khi được UBND tỉnh giao theo quy định của pháp luật; Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước lập kế hoạch đầu tư xây dựng 5 năm, hàng năm đối với các dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh giao cho Ban Quản lý dự án làm chủ đầu tư.

- Về tổ chức quản lý, thực hiện dự án đầu tư xây dựng:

+ Thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án theo quy định tại Luật Xây dựng và các nhiệm vụ, quyền hạn khác của chủ đầu tư theo các quy định pháp luật từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án, thực hiện dự án và kết thúc dự án theo đúng quy định;

+ Thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ tái định cư các dự án đầu tư xây dựng được giao làm chủ đầu tư: Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, khi Nhà nước thu hồi đất đối với các dự án được giao chủ đầu tư; Thực hiện các nhiệm vụ dịch vụ tư vấn giải phóng mặt bằng theo hợp đồng với chủ đầu tư khác;

- Thực hiện các dịch vụ tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, tư vấn giám sát, tư vấn lựa chọn nhà thầu; tư vấn giải phóng mặt bằng theo các hợp đồng với các chủ đầu tư phù hợp với năng lực theo quy định pháp luật;

- Liên doanh, liên kết, hợp tác với các tổ chức, cá nhân để thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật;

- Đảm bảo thực hiện chế độ thông tin, lưu trữ, bảo mật và báo cáo theo quy định;

- Quản lý viên chức, người lao động; thực hiện chế độ tiền lương và các chính sách, bổ nhiệm, đề bạt, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý dự án theo phân cấp của UBND tỉnh và quy định của pháp luật;

- Quản lý tài chính, tài sản được giao theo phân cấp của UBND tỉnh và quy định của pháp luật;

- Tổ chức thực hiện chương trình cải cách hành chính có liên quan đến Ban Quản lý dự án theo mục tiêu, kế hoạch của UBND tỉnh; thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của UBND tỉnh. Theo yêu cầu nhiệm vụ được giao, trên cơ sở khối lượng công việc và khả năng cân đối kinh phí hoạt động của Ban Quản lý dự án để triển khai nhiệm vụ, Ban Quản lý dự án được quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể phòng chuyên môn ngoài cơ cấu nêu trên khi đáp ứng các yêu cầu theo quy định pháp luật;

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

b) Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng trực thuộc

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư trong việc tổ chức quản lý thực hiện dự án đầu tư xây dựng từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án đến kết thúc xây dựng, bàn giao đưa công trình vào khai thác, sử dụng; quản lý tài chính, giải ngân; giám sát, đánh giá và báo cáo theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức thực hiện công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật; phối hợp với các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện dự án bảo đảm tiến độ, chất lượng, chi phí, an toàn lao động và bảo vệ môi trường; thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án khác theo phân công, ủy quyền của cấp có thẩm quyền;

- Thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư theo quy định của Luật Xây dựng và quy định của pháp luật;

- Thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng các dự án được giao làm chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư;

- Thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện các dịch vụ tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, tư vấn giám sát, tư vấn lựa chọn nhà thầu; tư vấn giải phóng mặt bằng theo các hợp đồng với chủ đầu tư khác phù hợp với năng lực theo quy định pháp luật.

- Tiếp nhận và quản lý sử dụng vốn để đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật;

- Quản lý tài chính, tài sản được giao theo phân cấp và quy định của pháp luật;

- Theo dõi, tổng hợp, báo cáo đánh giá tình hình sản xuất, ổn định đời sống tại các khu, điểm tái định cư Dự án di dân thủy điện Sơn La, thủy điện Hoà Bình trên địa bàn phụ trách;

- Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị chủ quản theo quy định;

- Quản lý tổ chức bộ máy, viên chức, người lao động, cơ cấu ngạch viên chức, vị trí việc làm, thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của cấp có thẩm quyền;

- Tổ chức thực hiện chương trình cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng tiêu cực, dân vận dân chủ và các nhiệm vụ nội vụ khác thuộc chức năng nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp theo mục tiêu, kế hoạch của cấp có thẩm quyền và chỉ đạo của Ban Quản lý dự án tỉnh;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao.

3. Cơ cấu tổ chức

a) Lãnh đạo Ban Quản lý dự án, gồm có: Giám đốc và các Phó Giám đốc. Số lượng Phó Giám đốc thực hiện theo quy định

- Giám đốc là người đứng đầu Ban Quản lý dự án, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ban Quản lý dự án.

- Các Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án là người giúp Giám đốc thực hiện một số nhiệm vụ do Giám đốc ủy quyền hoặc giao nhiệm vụ cụ thể, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Ban Quản lý dự án và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

b) Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ: có Trưởng phòng, các Phó Trưởng phòng, viên chức và lao động hợp đồng (nếu có) theo vị trí việc làm phù hợp với chức năng nhiệm vụ. Số lượng phó trưởng phòng thực hiện theo quy định.

Các phòng gồm:

(1) Phòng Hành chính tổng hợp

(2) Phòng Kế hoạch - Thẩm định - Giải phóng mặt bằng

(3) Phòng Quản lý dự án 1

(4) Phòng Quản lý dự án 2

(5) Phòng Quản lý dự án 3

c) Các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng trực thuộc

* Cơ cấu tổ chức Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng trực thuộc có: Giám đốc, các phó Giám đốc, số lượng Phó Giám đốc thực hiện theo quy định; các Tổ chuyên môn nghiệp vụ. Các Ban gồm:

(1) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Thuận Châu;

(2) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Quỳnh Nhai;

(3) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Mường La;

(4) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Mai Sơn;

(5) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Bắc Yên;

(6) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Phù Yên;

(7) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Mộc Châu;

(8) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Yên Châu;

(9) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Vân Hồ;

(10) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Sông Mã;

(11) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Sốp Cộp.

Trên cơ sở khối lượng công việc và khả năng cân đối kinh phí hoạt động, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT quyết định

thành lập, tổ chức lại, giải thể phòng chuyên môn và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng trực thuộc khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Số lượng người làm việc

Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT quyết định số lượng người làm việc của đơn vị dựa trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, khả năng cân đối tài chính theo khối lượng công việc thực tế đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Giám đốc các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng trực thuộc quyết định số lượng người làm việc; thành lập và tổ chức lại các Tổ chuyên môn của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng trực thuộc dựa trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, khả năng cân đối tài chính theo khối lượng công việc thực tế đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này và thực hiện các quy trình thủ tục giải thể Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Nội vụ, Xây dựng; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1198/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 20 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả đánh giá “Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương tỉnh Sơn La (DDCI Sơn La) năm 2025: Đáp ứng giới và phát triển bao trùm”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2487/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh về phê duyệt Văn kiện Dự án “Thúc đẩy bình đẳng giới thông qua nâng cao hiệu quả kinh tế sản xuất nông nghiệp và phát triển du lịch tại tỉnh Sơn La giai đoạn 2”; Thoả thuận thực hiện Dự án GREAT 2 Sơn La được ký kết giữa UBND tỉnh Sơn La và Bộ Ngoại giao và Thương mại Ô-xtrây-li-a;

Căn cứ Quyết định số 1224/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể dự án GREAT 2 Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 2447/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh phê duyệt đề xuất “Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tại Sơn La thông qua tăng cường năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và huyện, giai đoạn 2024 - 2027” thuộc dự án GREAT 2 Sơn La;

Căn cứ Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2025 của UBND tỉnh về Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 3002/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo phương pháp luận bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI): Đáp ứng giới và phát triển bao trùm tỉnh Sơn La năm 2025, thuộc dự án GREAT 2 Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tại Tờ trình số 28/TTr-XTĐTMDL ngày 15 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả đánh giá “Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương tỉnh Sơn La (DDCI Sơn La) năm 2025: Đáp ứng giới và phát

triển bao trùm” (có Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương tỉnh Sơn La (DDCI Sơn La) năm 2025: Đáp ứng giới và phát triển bao trùm kèm theo).

Điều 2. Căn cứ kết quả đánh giá “Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương tỉnh Sơn La năm 2025, giao các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường xây dựng kế hoạch, giải pháp thiết thực, đẩy mạnh cải thiện các chỉ số để nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và cấp địa phương năm 2026 và những năm tiếp theo trong vòng 60 ngày kể từ ngày công bố kết quả. Kế hoạch được công khai trên website của cơ quan, đơn vị và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng/lần gửi UBND tỉnh (qua cơ quan thường trực Tổ công tác là Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tổng hợp chung).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường; Các thành viên Tổ công tác DDCI tỉnh Sơn La, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1209/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 22 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư cấp xã trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Sơn La phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Sơn La điều chỉnh kết quả phân định thôn/bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn/bản đặc biệt khó khăn tại Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 331/TTr-STC ngày 15 tháng 4 năm 2026; Kết quả biểu quyết của Thành viên UBND tỉnh tại Phiên họp thứ nhất - UBND tỉnh Khóa XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031 tại Thông báo số 188/TB-VPUB ngày 26 tháng 4 năm 2026 của Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư cấp xã trên địa bàn tỉnh Sơn La gồm 75 đơn vị hành chính cấp xã, cụ thể như sau:

- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 72 xã, phường.
- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: 03 xã, phường.

(chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính

- Chủ trì đăng tải thông tin về danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư cấp xã trên địa bàn tỉnh phục vụ công tác xúc tiến, thu hút đầu tư.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường hướng dẫn, hỗ trợ các nhà đầu tư quan tâm nghiên cứu, thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định hiện hành.

2. Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường

- Tổ chức tuyên truyền, giới thiệu, thu hút đầu tư phù hợp với định hướng phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương.

- Chủ động hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư theo thẩm quyền.

- Tăng cường các giải pháp hỗ trợ, thúc đẩy thu hút đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư triển khai dự án theo quy định của pháp luật.

3. Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh

Phối hợp với Sở Tài chính đăng tải, công khai danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

Phụ lục
CÔNG BỐ DANH MỤC ĐỊA BÀN ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA

(Kèm theo Quyết định 1209/QĐ-UBND ngày 22/5/2026 của UBND tỉnh)

TT	Tên xã, phường	Thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư (đã được phân định xã khu vực I, II, III tại Quyết định số 68/QĐ-UBND)	Ghi chú
I	Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn		
1	Phường Tô Hiệu	I	
2	Phường Thảo Nguyên	I	
3	Xã Mai Sơn	I	
II	Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn		
1	Phường Mộc Châu	II	
2	Phường Mộc Sơn	II	
3	Phường Chiềng Cơi	II	
4	Phường Vân Sơn	II	
5	Phường Chiềng Sinh	II	
6	Phường Chiềng An	II	
7	Xã Chiềng Mung	III	
8	Xã Phù Yên	III	
9	Xã Quỳnh Nhai	III	
10	Xã Sông Mã	III	
11	Xã Yên Châu	III	
12	Xã Thuận Châu	III	
13	Xã Vân Hồ	III	
14	Xã Bắc Yên	III	
15	Xã Sốp Cộp	III	
16	Xã Mường La	III	
17	Xã Phiêng Khoài	III	
18	Xã Mường Cơi	III	
19	Xã Bình Thuận	III	
20	Xã Mường Sại	III	

TT	Tên xã, phường	Thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư (đã được phân định xã khu vực I, II, III tại Quyết định số 68/QĐ-UBND)	Ghi chú
21	Xã Chiềng Sơ	III	
22	Xã Ngọc Chiến	III	
23	Xã Tà Hộc	III	
24	Xã Pắc Ngà	III	
25	Xã Chiềng Khương	III	
26	Xã Tô Múa	III	
27	Xã Tân Phong	III	
28	Xã Yên Sơn	III	
29	Xã Nậm Lầu	III	
30	Xã Lóng Phiêng	III	
31	Xã Chiềng Lao	III	
32	Xã Mường Bang	III	
33	Xã Chiềng Sung	III	
34	Xã Chiềng Hặc	III	
35	Xã Mường Bú	III	
36	Xã Muối Nọi	III	
37	Xã Chiềng La	III	
38	Xã Mường Khiêng	III	
39	Xã Chiềng Mai	III	
40	Xã Chiềng Sơn	III	
41	Xã Mường Giôn	III	
42	Xã Đoàn Kết	III	
43	Xã Tà Khoa	III	
44	Xã Tà Xùa	III	
45	Xã Chiềng Hoa	III	
46	Xã Lóng Sập	III	
47	Xã Tường Hạ	III	
48	Xã Púng Bánh	III	
49	Xã Mường Chanh	III	

TT	Tên xã, phường	Thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư (đã được phân định xã khu vực I, II, III tại Quyết định số 68/QĐ-UBND)	Ghi chú
50	Xã Long Hẹ	III	
51	Xã Mường É	III	
52	Xã Tân Yên	III	
53	Xã Mường Chiên	III	
54	Xã Huổi Một	III	
55	Xã Chiềng Khoong	III	
56	Xã Mường Hung	III	
57	Xã Mường Lầm	III	
58	Xã Gia Phù	III	
59	Xã Xím Vàng	III	
60	Xã Co Mạ	III	
61	Xã Xuân Nha	III	
62	Xã Song Khủa	III	
63	Xã Phiêng Cầm	III	
64	Xã Phiêng Păn	III	
65	Xã Nậm Ty	III	
66	Xã Bó Sinh	III	
67	Xã Suối Tọ	III	
68	Xã Kim Bon	III	
69	Xã Chiềng Sại	III	
70	Xã Mường Bám	III	
71	Xã Mường Lạn	III	
72	Xã Mường Lèo	III	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1211/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 22 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg ngày 03/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người sau cai nghiện ma túy

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người sau cai nghiện ma túy;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 202/TTr-CAT-PMT ngày 14 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người sau cai nghiện ma túy.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Tài chính, Tư pháp, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Sơn La; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg ngày 03/3/2026 của
Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người sau cai nghiện ma túy**
(Kèm theo Quyết định số 1211/QĐ-UBND ngày 22/5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người sau cai nghiện ma túy (*viết gọn là Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg*) và các quy định liên quan để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành có liên quan trong công tác tái hòa nhập cộng đồng nói chung và tín dụng đối với người sau cai nghiện ma túy nói riêng; hỗ trợ, tạo cơ hội đảm bảo các điều kiện, biện pháp tái hòa nhập cộng đồng đối với người sau cai nghiện ma túy ổn định cuộc sống, để phòng ngừa tái nghiện, góp phần đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

2. Phân công nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể đối với các sở, ngành, cơ quan, tổ chức, UBND các xã, phường và cá nhân có liên quan trong triển khai Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg trong toàn tỉnh.

3. Việc tổ chức triển khai thực hiện phải đảm bảo nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan.

4. Công tác rà soát, lập danh sách, xác nhận và phê duyệt đối tượng thụ hưởng phải bảo đảm chính xác, khách quan, công khai, minh bạch, đúng quy định pháp luật; lồng ghép hiệu quả với các chương trình mục tiêu quốc gia và đề án phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

II. NỘI DUNG CÔNG TÁC TRỌNG TÂM

1. Tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền nội dung Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, địa phương trong triển khai công tác tín dụng đối với người sau cai nghiện ma túy, để người sau cai nghiện ma túy ổn định cuộc sống, góp phần an sinh xã hội, phát triển kinh tế, xã hội, phòng ngừa tái nghiện và các hành vi vi phạm pháp luật. Đẩy mạnh các hình thức thông tin, truyền thông thông qua Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, xã, phường, chú trọng tuyên truyền trực tiếp tại các bản, tiểu khu, tổ dân phố và cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh để mọi người dân biết, đảm bảo thực thi hiệu quả.

2. Thường xuyên quan tâm, bố trí nguồn vốn ngân sách cho hoạt động tín dụng chính sách xã hội đối với người sau cai nghiện ma túy phù hợp với quy định của pháp luật và Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg; khuyến khích người sau cai nghiện

ma túy, cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng lao động là người sau cai nghiện ma túy vay vốn để học nghề, tạo việc làm và sản xuất, kinh doanh.

3. Bố trí nhân lực, cán bộ tham gia công tác tín dụng chính sách xã hội cho người sau cai nghiện ma túy theo Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg, nhất là lực lượng cơ sở trực tiếp tham gia quản lý, giám sát, giúp đỡ người sau cai nghiện ma túy.

4. Tổ chức triển khai, thực hiện các nội dung quy định về tín dụng chính sách xã hội đối với người sau cai nghiện theo Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg bảo đảm khai thác có hiệu quả nguồn vốn, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng được vay vốn theo quy định.

5. Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện tín dụng chính sách xã hội đối với người sau cai nghiện ma túy, cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng lao động là người sau cai nghiện ma túy, nhân rộng cách làm hay, sáng tạo; khắc phục những bất cập, tồn tại, hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện; sơ kết, tổng kết đánh giá hiệu quả việc thực hiện tín dụng đối với người sau cai nghiện ma túy.

III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Công an tỉnh

- Là cơ quan thường trực tham mưu giúp Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện các biện pháp đảm bảo tín dụng đối với người sau cai nghiện ma túy theo quy định tại Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg. Chủ trì phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Sơn La và các sở, ban, ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Xây dựng kế hoạch chỉ đạo, hướng dẫn cho các đơn vị Công an toàn tỉnh thực hiện tốt công tác tuyên truyền về tín dụng đối với người sau cai nghiện ma túy; phối hợp lập danh sách, tạo điều kiện cho người sau cai nghiện ma túy, cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng lao động là người sau cai nghiện vay vốn.

- Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội nghiên cứu, ban hành quy chế phối hợp để tổ chức thực hiện tốt Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, phối hợp đôn đốc thu hồi nợ và ngăn chặn phòng ngừa trục lợi chính sách.

- Hằng năm, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp nhu cầu vay vốn thực tế, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người sau cai nghiện ma túy, cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng lao động là người sau cai nghiện ma túy theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Chỉ đạo Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy và các đơn vị liên quan tham mưu, phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến quy định về chính sách tín dụng đối với người sau cai nghiện ma túy, đồng thời lồng ghép nội dung này vào chương

trình giáo dục, tư vấn chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng cho học viên cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy.

- Chỉ đạo Công an cấp xã rà soát đối tượng và định kỳ ngày 05 hằng tháng lập danh sách người sau cai nghiện ma túy đủ điều kiện vay vốn, trình UBND cấp xã phê duyệt và gửi Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội kịp thời, đúng quy định tại Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg.

- Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện, báo cáo Bộ Công an, UBND tỉnh theo quy định; tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức sơ kết, tổng kết, biểu dương khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg và chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Công an.

2. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Sơn La

- Tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung và nhiệm vụ được giao đối với hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị liên quan nghiên cứu, tham mưu ban hành quy chế phối hợp, cơ chế chính sách và các điều kiện đảm bảo thực hiện tín dụng đối với người sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

- Chỉ đạo các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội tổ chức tuyên truyền sâu rộng chính sách tín dụng đối với người sau cai nghiện ma túy và các cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng lao động là người sau cai nghiện ma túy; tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ lãnh đạo, cán bộ trong toàn hệ thống chi nhánh và các tổ chức nhận ủy thác.

- Phối hợp chặt chẽ với Công an tỉnh, UBND các xã, phường, tổ chức chính trị - xã hội và các đơn vị có liên quan thực hiện rà soát, kiểm tra danh sách đối tượng đủ điều kiện vay vốn (người sau cai nghiện ma túy đã hoàn thành chương trình cai nghiện, cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng lao động là người sau cai nghiện) trên phạm vi toàn tỉnh.

- Ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về hồ sơ vay vốn, trình tự, thủ tục cho vay, gia hạn nợ và quy trình xử lý rủi ro tín dụng; đảm bảo các thủ tục được tối giản, rõ ràng, dễ thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

- Chỉ đạo các điểm giao dịch tại xã, phường phối hợp với các tổ chức chính trị, xã hội nhận ủy thác và Công an xã tổ chức giải ngân kịp thời, công khai, đúng đối tượng và điều kiện thụ hưởng.

- Tiếp nhận, quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn vốn ủy thác từ ngân sách tỉnh và ngân sách các xã, phường để triển khai cho vay theo đúng mục tiêu hỗ trợ người sau cai nghiện ma túy, cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng lao động là người sau cai nghiện ma túy.

- Định kỳ tổng hợp số liệu, đánh giá kết quả triển khai, báo cáo các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện để kịp thời kiến nghị UBND tỉnh và Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam xem xét, chỉ đạo giải quyết.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: phối hợp với Công an tỉnh, các cơ quan, đơn vị liên quan đề nghị các cơ quan truyền thông tuyên truyền, phổ biến thông tin về chính sách tín dụng đối với người sau cai nghiện ma túy, cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng lao động là người sau cai nghiện ma túy theo Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg trên các phương tiện thông tin đại chúng; hướng dẫn tuyên truyền trên hệ thống thông tin cơ sở theo chỉ đạo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Hướng dẫn các trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề (trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng) cho đối tượng là người sau cai nghiện ma túy.

- Chỉ đạo các cơ sở đào tạo nghề phối hợp chặt chẽ với lực lượng Công an, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội và chính quyền địa phương trong công tác tư vấn, định hướng nghề nghiệp; đồng thời hướng dẫn thủ tục, cấp giấy xác nhận của cơ sở đào tạo nghề nghiệp kịp thời để người sau cai nghiện ma túy hoàn thiện hồ sơ vay vốn tín dụng học nghề theo đúng quy định.

5. Sở Nội vụ

- Chỉ đạo Trung tâm Lưu trữ, việc làm, người có công phối hợp chặt chẽ với Công an tỉnh để tổ chức các phiên giao dịch việc làm, các chương trình tư vấn, định hướng nghề nghiệp dành riêng hoặc lồng ghép cho đối tượng đang cai nghiện ma túy và người sau cai nghiện ma túy.

- Tổ chức tư vấn cho người sau cai nghiện ma túy về thị trường lao động địa phương; cung cấp thông tin thị trường trong nước, ngoài nước và các chính sách xuất khẩu lao động, thông tin các chế độ, chính sách, nguồn vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách Xã hội để chuyển đổi nghề nghiệp hoặc tự tạo việc làm theo đúng quy định tại Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg.

- Thông qua các hoạt động dịch vụ việc làm, tích cực tuyên truyền, vận động và hỗ trợ kết nối cung, cầu lao động, khuyến khích các cơ sở sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp nhận lao động là người sau cai nghiện ma túy vào làm việc, giúp họ có thu nhập ổn định và phòng ngừa tái nghiện.

6. Sở Tài chính

Hàng năm, trên cơ sở nhu cầu vay vốn thực tế, kết quả rà soát, tổng hợp của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh sau khi phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người sau cai nghiện ma túy, cơ sở sản xuất

kinh doanh có sử dụng lao động là người sau cai nghiện ma túy, theo các quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

7. Sở Tư pháp

Phối hợp với Công an tỉnh và các sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan đề rà soát, thẩm định, bổ sung sửa đổi hoặc thay thế các văn bản quy phạm pháp luật cho phù hợp với Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg thuộc trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về tín dụng đối với người sau cai nghiện ma túy để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với quy định pháp luật.

8. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Phối hợp trao đổi thông tin với Công an các đơn vị địa phương về các trường hợp người sau cai nghiện ma túy trước khi bị áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính bằng hình thức đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng để rà soát đề nghị cho vay vốn của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

- Theo chức năng nhiệm vụ, phối hợp với các tổ chức thành viên, tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật tới toàn thể đoàn viên, hội viên và Nhân dân.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng tiến hành kiểm tra, giám sát, phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội trong quá trình triển khai thực hiện chính sách tín dụng đối với người sau cai nghiện ma túy và các cơ sở sản xuất, kinh doanh có sử dụng lao động là người sau cai nghiện ma túy trên địa bàn.

10. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể tại địa phương; chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc phối hợp với Công an cấp xã thực hiện nghiêm túc Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg và Kế hoạch này.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg đến người dân, trong đó đảm bảo 100% đối tượng quy định tại Điều 3 được tiếp cận thông tin. Khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh tiếp nhận, giúp đỡ tạo việc làm cho người sau cai nghiện ma túy.

- Chỉ đạo, đôn đốc Công an xã, phường rà soát đối tượng và định kỳ vào ngày 05 hằng tháng lập và cung cấp danh sách người sau cai nghiện ma túy để xem xét phê duyệt, xác nhận gửi Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội. Thực hiện việc phê duyệt, xác nhận đối tượng và điều kiện hưởng chính sách kịp thời, chính xác, công khai, minh bạch.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, các sở, ngành có liên quan và UBND các xã, phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả

Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg và các nội dung tại Kế hoạch này. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết và gửi về Công an tỉnh (*qua Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy*) trong tháng 5 năm 2026. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện (*báo cáo 06 tháng gửi trước ngày 15 tháng 6; báo cáo năm gửi trước ngày 15 tháng 12*) về Công an tỉnh để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện chủ động rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về tín dụng đối với người sau cai nghiện ma túy của cơ quan để bổ sung, sửa đổi hoặc thay thế cho phù hợp với Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg. Trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc trong tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này gửi về Công an tỉnh để phối hợp giải quyết theo thẩm quyền.

3. Giao Công an tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện Kế hoạch này và tổng hợp báo cáo kết quả về Bộ Công an, UBND tỉnh theo quy định./

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1254/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 27 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực
hoạt động kinh tế nông nghiệp và môi trường sử dụng
ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 516/TTr-SNNMT ngày 18 tháng 5 năm 2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực hoạt động kinh tế nông nghiệp và môi trường sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La với tổng số 77 danh mục, cụ thể:

- Dịch vụ lĩnh vực Thủy lợi và Tài nguyên nước: 20 danh mục.
- Dịch vụ lĩnh vực Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản: 02 danh mục.
- Dịch vụ lĩnh vực Lâm nghiệp: 05 danh mục.
- Dịch vụ lĩnh vực Môi trường: 09 danh mục.
- Dịch vụ lĩnh vực Quản lý tài nguyên đất: 09 danh mục
- Dịch vụ lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: 04 danh mục.
- Dịch vụ lĩnh vực Đo đạc, Bản đồ và Viễn thám: 12 danh mục.
- Dịch vụ lĩnh vực Thủy văn và Biến đổi khí hậu: 05 danh mục.
- Dịch vụ lĩnh vực Địa chất khoáng sản: 04 danh mục.
- Dịch vụ lĩnh vực khác: 07 danh mục.

(có Phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ban, ngành; các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực hoạt động kinh tế nông nghiệp và môi trường sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

Phụ lục
DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA

(Kèm theo Quyết định số 1254/QĐ-UBND ngày 27/5/2026 của UBND tỉnh Sơn La)

TT	STT	Tên danh mục dịch vụ sự nghiệp công
	I	DỊCH VỤ LĨNH VỰC THỦY LỢI VÀ TÀI NGUYÊN NƯỚC
1	1	Tuyên truyền, tập huấn về thủy lợi, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn
2	2	Điều tra, thu thập, tổng hợp số liệu đánh giá sử dụng nước sinh hoạt nông thôn để thực hiện công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nguồn nước bị ô nhiễm
3	3	Quản lý, khai thác công trình thủy lợi
4	4	Quản lý, sử dụng, cung cấp nước sạch sinh hoạt tập trung nông thôn
5	5	Lập, tổ chức thực hiện phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh
6	6	Quản lý, vận hành và duy trì Hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước
7	7	Tổ chức thực hiện việc khoanh định, công bố, điều chỉnh danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất
8	8	Kiểm kê tài nguyên nước
9	9	Tổ chức lập, công bố, điều chỉnh danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước; phê duyệt, điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước, kế hoạch, phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước
10	10	Xác định, công bố chức năng đối với nguồn nước mặt nội tỉnh
11	11	Xác định, điều chỉnh vị trí, giá trị dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh
12	12	Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ nước dưới đất
13	13	Điều tra, đánh giá tài nguyên nước mặt nội tỉnh
14	14	Điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất nội tỉnh
15	15	Điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước đối với nguồn nước nội tỉnh

TT	STT	Tên danh mục dịch vụ sự nghiệp công
16	16	Điều tra, xác định danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp
17	17	Lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước
18	18	Thực hiện các biện pháp điều hoà, phân phối tài nguyên nước khi xảy ra hạn hán, thiếu nước
19	19	Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc địa bàn quản lý phải xây dựng quy chế phối hợp; xây dựng quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối
20	20	Tổ chức xây dựng, vận hành mạng quan trắc tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh
	II	DỊCH VỤ LĨNH VỰC CHĂN NUÔI, THÚ Y VÀ THỦY SẢN
21	1	Thông tin, tuyên truyền, tư vấn, hỗ trợ về chăn nuôi, thú y và thủy sản
22	2	Tiêm phòng vắc xin cho động vật và Tiêu độc, khử trùng phòng dịch bệnh động vật
	III	DỊCH VỤ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP
	1	Bảo vệ và phát triển rừng tại các doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh
23	1.1	Khoán, hỗ trợ bảo vệ rừng
24	1.2	Trồng rừng
25	1.3	Trồng cây phân tán
26	1.4	Khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên
	2	Bảo tồn, cứu hộ, phục hồi sinh thái và tài nguyên rừng
27	2.1	Bảo tồn, cứu hộ, phục hồi sinh thái và tài nguyên rừng
	IV	DỊCH VỤ LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG
28	1	Quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường tỉnh có tính chất chi thường xuyên thuộc trách nhiệm của cơ quan Tài nguyên và Môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường, Luật Đa dạng sinh học.
29	2	Quan trắc chất lượng môi trường tỉnh (<i>Quan trắc chất lượng môi trường xung quanh, Quan trắc môi trường trong chăn nuôi, Quan trắc môi trường nước trong nuôi trồng thủy sản</i>)
30	3	Quan trắc và phân tích các thành phần môi trường (<i>không khí xung quanh, nước mặt lục địa, nước thải, trầm tích đáy, đất, nước dưới đất...</i>) phục vụ các đoàn thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư, kiến

TT	STT	Tên danh mục dịch vụ sự nghiệp công
		ngợi phản ánh, liên quan đến xử lý các sự cố môi trường. phục vụ lập giấy phép môi trường
31	4	Lập báo cáo tổng quan về hiện trạng môi trường tỉnh.
32	5	Lập báo cáo chuyên đề về hiện trạng môi trường theo yêu cầu <i>(nếu có)</i> .
33	6	Quản lý, vận hành hệ thống giám sát dữ liệu quan trắc tự động, liên tục.
34	7	Giám sát, kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm các hoạt động trong lĩnh vực sự nghiệp bảo vệ môi trường.
35	8	Xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt tỉnh Sơn La giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035
36	9	Dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.
	V	DỊCH VỤ LĨNH VỰC QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN ĐẤT
37	1	Thống kê, kiểm kê đất đai và thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất
38	2	Điều tra, đánh giá đất đai và bảo vệ cải tạo phục hồi đất
39	3	Xây dựng, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất; xây dựng, sửa đổi, bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất; định giá đất cụ thể
40	4	Lập hồ sơ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
41	5	Xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai
42	6	Lập phương án sử dụng đất đối với diện tích đất các công ty nông, lâm nghiệp bàn giao về địa phương
43	7	Quản lý, vận hành, khai thác và kết nối liên thông cơ sở dữ liệu về đất đai
44	8	Khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật - dự toán các hoạt động trong lĩnh vực đất đai
45	9	Giám sát, kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm của các hoạt động trong lĩnh vực đất đai
	VI	DỊCH VỤ LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC
46	1	Lập, điều tra, lập danh mục, đánh giá khả năng xâm nhập để có biện pháp phòng ngừa kiểm soát loài ngoại lai xâm nhập
47	2	Điều tra, thống kê, kiểm kê đánh giá và lập báo cáo hiện trạng về đa dạng sinh học; Xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ
48	3	Quan trắc, thống kê, quản lý thông tin, dữ liệu về đa dạng sinh học và xây dựng cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học

TT	STT	Tên danh mục dịch vụ sự nghiệp công
49	4	Xây dựng và thử nghiệm mô hình bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học
	VII	DỊCH VỤ LĨNH VỰC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ VIỄN THÁM
50	1	Đo đạc lập, chỉnh lý, quản lý bản đồ địa chính ở địa phương
51	2	Thu thập, cập nhật, sử dụng thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám thuộc phạm vi quản lý của địa phương
52	3	Xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia thuộc phạm vi của tỉnh
53	4	Thành lập, cập nhật bản đồ địa hình tỷ lệ 1:2.000 và 1:5.000 đối với phần đất liền thuộc phạm vi quản lý của tỉnh
54	5	Xây dựng, cập nhật, công bố siêu dữ liệu viễn thám
55	6	Đo đạc, thành lập bản đồ phục vụ lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp
56	7	Đo đạc, thành lập bản đồ công trình ngầm
57	8	Xây dựng, vận hành, cập nhật và quản lý hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia và cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh
58	9	Xây dựng bản đồ về phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục sự cố môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu
59	10	Thành lập tập bản đồ của địa phương, khu vực và ngành; đo đạc, thành lập các loại bản đồ chuyên ngành khác phục vụ quản lý nhà nước
60	11	Khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật - dự toán các hoạt động trong lĩnh vực Đo đạc bản đồ và viễn thám
61	12	Giám sát, kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm các hoạt động trong lĩnh vực đo đạc bản đồ và viễn thám
	VIII	DỊCH VỤ LĨNH VỰC THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
62	1	Lập kế hoạch phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng địa phương; điều tra, khảo sát, quan trắc và dự báo, cảnh báo về khí tượng thủy văn
63	2	Xây dựng cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh; khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu khí tượng thủy văn
64	3	Xây dựng mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ tại các vị trí thuộc địa bàn tỉnh quản lý
65	4	Xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp tỉnh; Xây dựng báo cáo đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu cấp tỉnh

TT	STT	Tên danh mục dịch vụ sự nghiệp công
66	5	Điều tra, khảo sát, thống kê số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành; xây dựng và vận hành hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính
	IX	DỊCH VỤ KHÁC
67	1	Xây dựng dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản
68	2	Thông tin, tuyên truyền, bồi dưỡng, tập huấn (hoạt động khuyến nông)
69	3	Thu thập, bảo tồn giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản
70	4	Hoạt động khảo nghiệm giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản
71	5	Kiểm nghiệm, kiểm định chất lượng giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản
72	6	Thu nộp, cập nhật, chỉnh lý, bảo quản, lưu trữ, công bố, cung cấp và sử dụng thông tin dữ liệu nông nghiệp và môi trường
73	7	Thông tin, tuyên truyền về nông nghiệp và môi trường
	X	DỊCH VỤ ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN
74	1	Xây dựng phương án quản lý về địa chất, khoáng sản trong quy hoạch tỉnh; phương án bảo vệ tài nguyên địa chất chưa khai thác, sử dụng, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác
75	2	Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản
76	3	Xây dựng cơ sở dữ liệu, chuyển đổi số lĩnh vực địa chất và khoáng sản
77	4	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1262/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 28 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch hành động ứng phó khẩn cấp với bệnh
Lở mồm long móng (LMLM) serotype SAT1 trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thú y số 79/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thú y được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y;

Căn cứ Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn đã được sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Quyết định số 1466/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch hành động ứng phó khẩn cấp với bệnh Lở mồm long móng do vi rút thuộc serotype SAT1 gây ra;

Thực hiện Công điện số 35/CĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ động ngăn chặn, giám sát và ứng phó nguy cơ dịch bệnh Lở mồm long móng do vi rút thuộc serotype SAT1 xâm nhập vào Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 521/TTr-SNNMT ngày 19 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch hành động ứng phó khẩn cấp với bệnh Lở mồm long móng (LMLM) serotype SAT1 trên địa bàn tỉnh Sơn La”.

(có Kế hoạch chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Ứng phó khẩn cấp với bệnh Lở mồm long móng (LMLM)

serotype SAT1 trên địa bàn tỉnh Sơn La

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1262/QĐ-UBND

ngày 28/5/2026 của UBND tỉnh Sơn La)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Chủ động các biện pháp phòng, chống bệnh LMLM nói chung và bệnh LMLM serotype SAT1 nói riêng, hạn chế tối đa nguy cơ bùng phát và lây lan của bệnh LMLM thuộc serotype SAT1 xâm nhập vào địa bàn tỉnh.

- Bảo đảm phát hiện sớm, lấy mẫu xét nghiệm, xác định serotype và giải trình tự gen khi xuất hiện trường hợp nghi ngờ mắc bệnh LMLM.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo thông tin kịp thời, chính xác, không gây hoang mang trong xã hội về tình hình bệnh.

- Triển khai đồng bộ các biện pháp ngăn chặn và phòng, chống bệnh LMLM serotype SAT1, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở và sự ủng hộ tích cực của người dân.

- Thực hiện theo đúng quy định của Luật Thú y, các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Chăn nuôi và Thú y và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

II. THÔNG TIN VỀ BỆNH LMLM VÀ CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH

1. Thông tin dịch bệnh LMLM

a) Tình hình dịch bệnh LMLM trên thế giới và tại Việt Nam Bệnh LMLM là bệnh truyền nhiễm xảy ra trên động vật móng guốc chẵn như trâu, bò, lợn, dê, cừu, hươu, nai. Bệnh do vi rút thuộc họ Picornaviridae, giống Aphthovirus gây ra thông qua nhiều con đường khác nhau như tiếp xúc trực tiếp giữa động vật bệnh và động vật khỏe, qua vận chuyển động vật, sản phẩm động vật, phương tiện, dụng cụ, thức ăn, nước uống, người ra vào cơ sở chăn nuôi và trong những điều kiện nhất định có thể phát tán qua không khí. Đây là bệnh xuyên biên giới và có thể gây thiệt hại lớn đối với ngành chăn nuôi.

Hiện nay, bệnh LMLM đã xuất hiện tại tất cả các châu lục trên thế giới. Vi rút gây bệnh LMLM có 7 tuýp huyết thanh (serotype) là: O, A, C, Asia1, SAT1, SAT2 và SAT3. Trong đó, serotype O lưu hành phổ biến trên phạm vi toàn cầu; serotype

A gây ra một số ổ dịch tại Châu Á và Châu Phi; serotype Asia1 gây ra dịch lẻ tẻ tại Châu Á; từ năm 2004 không còn phát hiện serotype C; các serotype SAT1, SAT2, SAT3 lưu hành chủ yếu tại Châu Phi. Trong quần thể gia súc cảm nhiễm chưa có miễn dịch phù hợp, tỷ lệ mắc bệnh có thể rất cao lên đến 100%; tỷ lệ chết ở gia súc trưởng thành chỉ khoảng 1 - 5% nhưng nếu xảy ra trên con non tỷ lệ chết có thể trên 20%. Bệnh gây thiệt hại kinh tế rất lớn do làm giảm năng suất, giảm sản lượng sữa, chậm lớn, sảy thai, tăng tỷ lệ chết ở con non, thời gian phục hồi chậm, đồng thời làm gián đoạn lưu thông, giết mổ, thương mại động vật và sản phẩm động vật.

Tại Việt Nam, đến nay đã ghi nhận 03 serotype là O, A và Asia1. Cụ thể, serotype Asia1 xuất hiện lần đầu tiên năm 2005 và tồn tại đến năm 2008; serotype A gây ra các ổ dịch vào năm 2004 và giai đoạn 2015 - 2017; trong khi serotype O lưu hành phổ biến nhất tại nước ta. Kết quả giám sát cho thấy, từ năm 2020 đến nay đã phát hiện 04 chủng vi rút LMLM serotype O (bao gồm: O/MESA/PanAsia, O/ME SA/Ind2001e, O/SEA/Mya-98 và O/Cathay) lưu hành tại Việt Nam, trong đó phần lớn các ổ dịch LMLM trên gia súc do vi rút chủng O/MESA/Ind2001e gây ra.

Vi rút LMLM serotype SAT1 chủ yếu lưu hành ở tiểu vùng Sahara của Châu Phi với 13 chủng (topotype) khác nhau và được ký hiệu từ SAT1/I đến SAT1/XIII. Serotype SAT1 là serotype ngoại lai đối với chương trình tiêm phòng LMLM thông thường ở khu vực châu Á. Thời gian gần đây, vi rút đã xuất hiện bên ngoài khu vực Châu Phi. Theo báo cáo của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO), vi rút LMLM Serotype SAT1 đã xuất hiện tại Iraq từ tháng 3 tháng 2025, sau đó tiếp tục được báo cáo tại nhiều nước khu vực Trung Đông và Tây Á như: Bahrain, Iran, Israel, Kuwait, Lebanon, Ai Cập, Cộng hòa Síp, Thổ Nhĩ Kỳ, Azerbaijan.

Từ đầu tháng 4 năm 2026, Trung Quốc đã thông báo lần đầu tiên phát hiện 219 trường hợp bò nhiễm vi rút LMLM serotype SAT1 topotype I tại 02 tỉnh Cam Túc và Tân Cương. Với đặc điểm địa lý và tình hình trao đổi thương mại giữa hai nước, nếu không có giải pháp ngăn ngừa, nguy cơ chủng vi rút LMLM này xâm nhập vào nước ta thông qua việc vận chuyển gia súc và sản phẩm gia súc qua biên giới là rất cao. Hiện nay các loại vắc xin phòng bệnh LMLM đang được cấp phép lưu hành tại Việt Nam chỉ có tác dụng bảo hộ với các chủng vi rút LMLM thuộc serotype O, A và Asia1, không có khả năng bảo hộ đối với chủng vi rút LMLM Serotype SAT1.

b) Tình hình dịch bệnh LMLM tại tỉnh Sơn La

Trên địa bàn tỉnh Sơn La, bệnh LMLM chủ yếu xảy ra do vi rút LMLM Serotype O (*năm 2014, năm 2015 có ghi nhận serotype A tại địa bàn huyện Mộc Châu và thành phố Sơn La*).

2. Các biện pháp phòng bệnh (*khi chưa phát hiện bệnh LMLM do vi rút thuộc serotype SAT1 tại Việt Nam*)

- Tăng cường kiểm dịch, kiểm soát vận chuyển động vật, sản phẩm động vật qua biên giới, cửa khẩu, đường mòn, lối mở; kịp thời phát hiện, ngăn chặn việc vận

chuyển trái phép gia súc, sản phẩm gia súc từ quốc gia, vùng lãnh thổ có nguy cơ xâm nhiễm vi rút LMLM serotype SAT1.

- Tổ chức giám sát chủ động, giám sát dựa trên nguy cơ tại khu vực biên giới, chợ đầu mối, cơ sở thu gom, giết mổ, tuyến vận chuyển chính, đàn gia súc nguy cơ cao và các địa điểm có yếu tố dịch tễ liên quan; kịp thời lấy mẫu xét nghiệm, định serotype, giải trình tự gen đối với các trường hợp nghi ngờ, ổ dịch bất thường hoặc mẫu có liên quan dịch tễ.

- Rà soát, chuẩn bị đầy đủ vật tư bảo hộ, hóa chất sát trùng, phương tiện lấy mẫu, vận chuyển mẫu,... và điều kiện cần thiết để phát hiện sớm vi rút LMLM serotype SAT1.

- Chủ động xây dựng và triển khai phương án ứng phó khẩn cấp đối với bệnh LMLM serotype SAT1 ngay từ giai đoạn chưa phát hiện bệnh trên địa bàn tỉnh; trong đó, xác định địa bàn trọng điểm, nhất là các xã biên giới của tỉnh, các khu vực, địa bàn có nguy cơ cao như: cửa khẩu, đường mòn, lối mở, chợ mua bán gia súc, điểm tập kết, cơ sở thu gom, cơ sở giết mổ, cơ sở chăn nuôi gia súc quy mô lớn, tuyến vận chuyển chính; đồng thời xác định trước vị trí đặt chốt kiểm dịch động vật tạm thời, địa điểm tiêu hủy, lực lượng tham gia, vật tư bảo hộ, hóa chất, phương tiện lấy mẫu, vận chuyển mẫu,...; phân công trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện ngay khi phát hiện trường hợp nghi ngờ, ca bệnh hoặc ổ dịch đầu tiên.

- Tổ chức thông tin, truyền thông nguy cơ; hướng dẫn chăn nuôi, cơ sở thu gom, vận chuyển, giết mổ, buôn bán động vật, sản phẩm động vật thực hiện nghiêm các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, vệ sinh, khử trùng, tiêu độc, kiểm soát người và phương tiện ra vào cơ sở, không giấu dịch, không mua bán, vận chuyển, giết mổ gia súc mắc bệnh, nghi mắc bệnh, không vứt xác động vật ra môi trường.

3. Các biện pháp phòng, chống dịch (*khi phát hiện ổ dịch LMLM serotype SAT1 đầu tiên*)

Khi dịch LMLM serotype SAT1 xảy ra trên địa bàn tỉnh: thực hiện các biện pháp chống dịch theo quy định của Luật Thú y, Luật Sửa đổi bổ sung 15 Luật trong đó có Luật Thú y, Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung.

- Tổ chức lấy mẫu khẩn cấp; xét nghiệm xác định bệnh LMLM, định serotype; thực hiện điều tra dịch tễ, truy xuất nguồn lây, truy vết gia súc, sản phẩm gia súc, phương tiện, con người và các yếu tố liên quan nhằm xác định phạm vi nguy cơ và áp dụng biện pháp xử lý phù hợp.

- Khoanh vùng ổ dịch, vùng bị dịch uy hiếp, vùng đệm; tổ chức lập chốt kiểm dịch tạm thời; kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển, thu gom, buôn bán, giết mổ gia súc và sản phẩm gia súc cảm nhiễm theo quy định của pháp luật về thú y và hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y.

- Tổ chức xử lý ổ dịch theo quy định pháp luật; thực hiện vệ sinh, khử trùng, tiêu độc liên tục tại ổ dịch, khu vực xung quanh ổ dịch, chợ, cơ sở giết mổ, phương tiện vận chuyển và các địa điểm có nguy cơ phát tán mầm bệnh.

- Triển khai ngay tiêm phòng khẩn cấp, tiêm phòng bao vây bằng vắc xin phù hợp ở ổ dịch, vùng bị dịch uy hiếp, vùng đệm và các địa bàn có nguy cơ cao bằng loại vắc xin phù hợp, trên cơ sở kết quả đánh giá tương đồng kháng nguyên, khả năng cung ứng và hướng dẫn chuyên môn của Cục Chăn nuôi và Thú y.

- Căn cứ diễn biến dịch bệnh, kết quả giám sát, đánh giá tương đồng kháng nguyên, phạm vi lưu hành mầm bệnh và khả năng cung ứng vắc xin để xem xét tổ chức tiêm phòng diện rộng trên địa bàn nguy cơ hoặc địa bàn đang có dịch, nhằm tạo miễn dịch quần thể trong phạm vi phù hợp, bảo đảm hiệu quả, tránh dàn trải, lãng phí nguồn lực.

- Tăng cường giám sát sau tiêm phòng, đánh giá tỷ lệ bao phủ, đánh giá đáp ứng miễn dịch, giám sát lưu hành vi rút trong quần thể đã tiêm và chưa tiêm, kịp thời điều chỉnh biện pháp phòng, chống dịch, sử dụng vắc xin và phạm vi ứng phó cho phù hợp với diễn biến thực tế.

III. TỔ CHỨC TIÊM PHÒNG VẮC XIN PHÒNG BỆNH LMLM DO VI RÚT THUỘC SEROTYPE SAT1

1. Việc lựa chọn và sử dụng vắc xin phòng bệnh LMLM do vi rút thuộc serotype SAT1 gây ra theo hướng dẫn và chỉ đạo của Cục Chăn nuôi và Thú y.

2. Khi phát hiện ổ dịch đầu tiên: Căn cứ kết quả đánh giá nguy cơ, kết quả xét nghiệm xác định serotype, dữ liệu tương đồng kháng nguyên và khả năng sẵn có của vắc xin, tổ chức tiêm phòng khẩn cấp, tiêm phòng bao vây tại ổ dịch, vùng bị dịch uy hiếp, vùng đệm và địa bàn nguy cơ cao theo hướng dẫn của Cục Chăn nuôi và Thú y.

3. Căn cứ kết quả giám sát, tốc độ lây lan, phạm vi lưu hành mầm bệnh, mật độ đàn gia súc cảm nhiễm, mức độ tương đồng kháng nguyên và khả năng cung ứng vắc xin, xem xét tổ chức tiêm phòng diện rộng trên phạm vi phù hợp nhằm tạo miễn dịch quần thể; đồng thời tiếp tục duy trì chương trình phòng bệnh LMLM đối với serotype đang lưu hành theo kế hoạch tiêm phòng hiện hành.

IV. KINH PHÍ PHÒNG, CHỐNG DỊCH

Khi dịch bệnh xảy ra và hàng năm, xây dựng dự toán, bố trí kinh phí phòng, chống dịch bệnh LMLM serotype SAT1 vào kinh phí phòng, chống dịch bệnh động vật chung của tỉnh, trong đó:

1. Ngân sách tỉnh

Ngân sách tỉnh đảm bảo kinh phí để chi cho các hoạt động của tỉnh, bao gồm: mua vắc xin tiêm phòng bệnh LMLM serotype SAT1, hóa chất phun khử trùng tiêu độc, vật tư phục vụ chống dịch, lập chốt kiểm dịch động vật tạm thời (do tỉnh lập); công tác thông tin, tuyên truyền, tập huấn; hỗ trợ người tham gia khắc phục dịch bệnh; các hoạt động kiểm tra, giám sát, hướng dẫn về phòng, chống dịch bệnh; giám sát lưu hành, giám sát định lượng kháng thể sau tiêm phòng vắc xin.

Bổ sung kinh phí hỗ trợ khắc phục dịch bệnh LMLM serotype SAT1 tại các địa phương theo quy định (*đối với các xã, phường đã thực hiện vượt quá nguồn kinh phí dự phòng được giao*).

2. Ngân sách cấp xã, phường

Ngân sách cấp xã, phường đảm bảo cho các hoạt động phòng, chống dịch lở mồm long móng bao gồm: mua sắm dụng cụ, trang bị bảo hộ, vật tư, hóa chất dùng trong phòng, chống dịch bệnh; điều tra ổ dịch; mua vắc xin tiêm phòng bệnh LMLM serotype SAT1 (*ngoài phần vắc xin ngân sách tỉnh hỗ trợ sau khi có ý kiến chuyên môn của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản*); hỗ trợ người tham gia khắc phục dịch bệnh (*hỗ trợ công cho người đi tiêm vắc xin, phun tiêu độc khử trùng; công tiêu hủy động vật mắc bệnh và công cho người tham gia khắc phục dịch bệnh khác theo quy định*); hỗ trợ cho cơ sở chăn nuôi có động vật tiêu hủy; đào tạo, tập huấn chuyên môn; các hoạt động kiểm tra, giám sát, tổ chức hội nghị về phòng, chống LMLM serotype SAT1 của địa phương; thực hiện tháng vệ sinh tiêu độc khử trùng.

Trường hợp vượt quá khả năng cân đối của ngân sách địa phương, tổng hợp gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính tổng hợp báo cáo UBND tỉnh bổ sung kinh phí để kịp thời tổ chức các hoạt động phòng chống dịch.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện công tác ngăn chặn và phòng, chống bệnh dịch bệnh động vật nói chung và bệnh LMLM serotype SAT1 nói riêng trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch này và tham mưu điều chỉnh, bổ sung các biện pháp ứng phó cho phù hợp với diễn biến dịch bệnh.

- Chủ trì, phối hợp với các cấp, các ngành liên quan tăng cường kiểm tra việc tổ chức thực hiện công tác ngăn chặn và phòng, chống bệnh LMLM serotype SAT1 trên địa bàn tỉnh và báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Tham mưu thành lập các đoàn kiểm tra, đôn đốc các địa phương triển khai thực hiện công tác phòng, chống dịch.

- Khi dịch bệnh xảy ra và hàng năm lập dự toán kinh phí thực hiện phòng, chống dịch bệnh LMLM serotype SAT1 lồng ghép vào Kế hoạch phòng, chống 8 dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Sơn La gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Phối hợp với các cơ quan truyền thông hướng dẫn, tuyên truyền kịp thời, chính xác về tình hình dịch bệnh LMLM serotype SAT1 và các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, không gây tâm lý hoang mang cho người chăn nuôi; hướng dẫn về chăn nuôi an toàn sinh học và các biện pháp phòng chống bệnh LMLM serotype SAT1.

- Phối hợp với các lực lượng chức năng và các địa phương kiểm tra, giám sát chặt chẽ các địa điểm buôn bán, giết mổ động vật, sản phẩm động vật, nhất là các xã có đường biên giới, xã tiếp giáp với địa bàn tỉnh khác.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn thú y phối hợp với các địa phương tăng cường kiểm tra, giám sát dịch bệnh trên đàn vật nuôi, nếu phát hiện động vật ốm, chết có triệu chứng nghi bệnh LMLM serotype SAT1, tổ chức lấy mẫu xét nghiệm để xác định tác nhân gây bệnh.

- Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc công tác phòng, chống bệnh LMLM serotype SAT1 tại cơ sở; tổng hợp, báo cáo tình hình dịch bệnh lên hệ thống quản lý thông tin dịch bệnh động vật (VAHIS) và báo cáo UBND tỉnh về tình hình dịch bệnh.

- Kịp thời tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Chăn nuôi và Thú y theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành liên quan

Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, Sở Công Thương chỉ đạo đơn vị chuyên môn phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, chính quyền địa phương tăng cường tổ chức kiểm tra, giám sát, kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm việc vận chuyển, buôn bán, nhập khẩu trái phép động vật, sản phẩm động vật qua biên giới, đặc biệt là động vật, sản phẩm động vật có dấu hiệu nghi nhiễm LMLM serotype SAT1.

- Sở Tài chính: Thẩm định dự toán kinh phí thực hiện theo các nội dung do Sở Nông nghiệp và Môi trường dự toán; hướng dẫn kiểm tra công tác quản lý sử dụng kinh phí, đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

- Báo và Phát thanh, truyền hình Sơn La: Phối hợp với địa phương, cơ quan liên quan kịp thời cung cấp các thông tin về tình hình dịch bệnh và đẩy mạnh tuyên truyền về các biện pháp phòng, chống dịch bệnh LMLM serotype SAT1 để người dân chủ động áp dụng các biện pháp phòng bệnh theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến cho thành viên, đoàn viên, hội viên và người dân về tình hình dịch bệnh LMLM serotype SAT1; nguyên nhân lây nhiễm, nguy cơ bùng phát, lây lan; rủi ro của việc mua bán động vật, sản phẩm động vật không rõ nguồn gốc đến hoạt động chăn nuôi; tăng cường thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt là công tác tiêm phòng, vệ sinh thú y, khử trùng môi trường, áp dụng các biện pháp an toàn sinh học trong chăn nuôi.

3. UBND các xã, phường

- Xây dựng Kế hoạch ứng phó khẩn cấp với bệnh Lở mồm long móng do vi rút thuộc serotype SAT1 trên địa bàn quản lý; bố trí nguồn lực, lực lượng, địa điểm tiêu hủy, vị trí chốt kiểm dịch tạm thời, vật tư, hóa chất, phương tiện, nhân

lực và tổ chức thực hiện các biện pháp ứng phó khi phát sinh tình huống dịch bệnh trên địa bàn.

- Chỉ đạo phòng chuyên môn, các thôn, bản, tổ dân phố chủ động giám sát phát hiện sớm trường hợp nghi ngờ gia súc mắc bệnh LMLM, phối hợp với cơ quan chuyên môn thực hiện lấy mẫu để xét nghiệm xác định chính xác tác nhân gây bệnh và triển khai đồng bộ có hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch bệnh; xử lý dứt điểm ổ dịch khi còn ở phạm vi hẹp và báo cáo kịp thời thông tin, số liệu dịch bệnh động vật.

- Khoanh vùng, vệ sinh tiêu độc khử trùng, xử lý xác động vật, chất thải, sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu, bảo đảm không phát tán mầm bệnh ra môi trường.

- Tổ chức xử lý gia súc chết, gia súc mắc bệnh theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật về thú y, pháp luật bảo vệ môi trường và hướng dẫn chuyên môn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y.

- Tổ chức triển khai tiêm phòng khẩn cấp và tiêm phòng bao vây ngay sau khi phát hiện ổ dịch đầu tiên; sau đó xây dựng phương án tổ chức tiêm phòng diện rộng để tạo miễn dịch quần thể theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và hướng dẫn của ngành chuyên môn.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền; vận động người dân đặc biệt tại khu vực gần biên giới không tham gia mua bán, vận chuyển gia súc không rõ nguồn gốc, vận chuyển trái phép qua biên giới;

4. Người chăn nuôi; các cơ sở chăn nuôi gia súc, chợ mua bán gia súc; cơ sở thu gom, vận chuyển, buôn bán động vật, cơ sở giết mổ gia súc có trách nhiệm chủ động áp dụng các biện pháp phòng bệnh là chính; thực hiện vệ sinh, khử trùng, tiêu độc, an toàn sinh học; khai báo dịch bệnh, phối hợp giám sát, lấy mẫu, xử lý ổ dịch và tiêm phòng theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Chiềng Cơi,
tỉnh Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com